

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày 09 – 01 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Việt, bà Nguyễn Thị Phương Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Từ ngày 07 tháng 01 đến ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 110/2024/TLST-HS, ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/HSST-QĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Duy T**; sinh ngày 12 tháng 8 năm 2000, tại tỉnh Bình Thuận.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp trước khi phạm tội: Chiến sĩ nghĩa vụ Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 02/QĐ-CAT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Giám đốc Công an tỉnh B.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/6/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Minh H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D N, khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2/ Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3/ Trần Đình T3, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

4/ Huỳnh Thị Ú, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

5/ Nguyễn Thanh L, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

6/ Trương Thị Bích P, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

7/ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ tự quản số B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận

8/ Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B, đường A phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

9/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường H, Tổ E, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/ Lê Thị H3, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

11/ Huỳnh Văn H4, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận

12/ Nguyễn Thị Kim T4, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D N, khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

13/ Lê Thị Bích T5, sinh năm 2003 (vắng mặt)

14/ Lê Thị Bích D, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: L61 khu dân cư Võ Văn Tần, Khu phố 10, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

15/ Nguyễn Minh T6, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận

16/ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Người làm chứng:*

1/ Đinh Xuân H5, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2/ Phạm Thanh P1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3/ Đặng Tuấn T7, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

4/ Nguyễn Thế L1, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

5/ Ông Hồ Đình T8, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

6/ Nguyễn Trường V, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

7/ Phạm H6, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Duy T là Chiến sĩ nghĩa vụ công tác tại Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp (CSTHAHS và HTTP) thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận, được phân công nhiệm vụ tuần tra, canh gác, bảo vệ khu vực bên trong và ngoài Nhà tạm giữ Công an huyện B.

Quá trình thực hiện nhiệm vụ, vào các ca trực của mình, Nguyễn Duy T lợi dụng sơ hở của cán bộ quản giáo đã mang điện thoại di động của cá nhân chuyển qua ô thông gió các buồng giam đưa cho các bị can đang bị tạm giam sử dụng để gọi điện thoại về cho gia đình và người thân đến khi gần hết ca trực thì Nguyễn Duy T thu điện thoại lại. Sau đó, theo các số điện thoại các bị can đã gọi cho gia đình, người thân, Nguyễn Duy T nhắn tin các số tài khoản 19070812221018 tại ngân hàng TMCP K - Chi nhánh B, số 21210003502271 tại ngân hàng TMCP Đ1 (B1) - Chi nhánh B của mình và các số tài khoản 104869808726, số 101877269139 mở tại ngân hàng TMCP C1- chi nhánh B của Lê Thị Bích T5, là người yêu của T và Lê Thị Bích D, là em gái của T5, để người thân các bị can đã sử dụng điện thoại chuyển tiền vào các tài khoản này cho Nguyễn Duy T.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 23/8/2023 đến ngày 27/8/2023, Nguyễn Duy T đã chuyển điện thoại cho nhiều bị can đang bị tạm giam trong các buồng giam của Nhà tạm giữ Công an huyện B sử dụng nhiều lần gọi điện cho gia đình, người thân rồi nhận tiền và chiếm đoạt tổng 27 triệu đồng của họ (gồm 25 triệu đồng chuyển qua tài khoản và 02 triệu đồng tiền mặt); cụ thể:

1. Ngày 23, 27/8/2023, Nguyễn Duy T 02 lần đưa điện thoại cho bị can Huỳnh Thị Ú đang bị tạm giam tại buồng số 10 gọi điện cho người thân. Sau đó, người thân của Ú đã chuyển vào tài khoản của Nguyễn Duy T 02 lần với tổng số tiền 03 triệu đồng.

2. Từ ngày 11/9/2023 đến ngày 04/11/2023, Nguyễn Duy T 11 lần đưa điện thoại cho bị can Nguyễn Thị H1 đang bị tạm giam tại buồng giam số 10 sử dụng để gọi điện cho gia đình, người thân, sau đó 11 lần nhận tổng số tiền là 20 triệu đồng, trong đó: Nhận qua tài khoản của Lê Thị Bích T5 10 lần với tổng số tiền 18 triệu đồng; nhận qua tài khoản của Lê Thị Bích D 01 lần với số tiền 02 triệu đồng.

3. Ngày 26/9/2023, Nguyễn Duy T đưa điện thoại cho bị can Trương Thị Bích P đang bị tạm giam tại buồng giam số 11 gọi điện cho gia đình 01 lần, sau đó nhận số tiền 01 triệu đồng qua tài khoản của Lê Thị Bích T5.

4. Ngày 08, 18/10/2023, Nguyễn Duy T chuyển điện thoại cho bị can Nguyễn Minh H đang bị tạm giam tại buồng giam số 09 gọi điện cho người thân 02 lần, sau đó nhận số tiền 01 triệu đồng qua tài khoản của Lê Thị Bích T5.

5. Ngày 21/10/2023, Nguyễn Duy T đưa điện thoại cho bị can Nguyễn Thanh L đang bị tạm giam tại buồng giam số 09 gọi điện cho Lê Thị H3 là em gái L, sau đó Lê Thị H3 đã đưa cho T số tiền 02 triệu đồng tại khu vực công cơ quan Công an huyện B.

Tại Bản Cáo trạng số 9829/CT-VKSTC-V6 ngày 16 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố Nguyễn Duy T, về tội: “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận về hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Duy T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tác động gia đình khắc phục. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T với mức án từ 2 (hai) năm tù đến 2 năm 6 tháng tù.

Về xử lý tang vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước số tiền 27.000.000 đồng là số tiền bị cáo Nguyễn Duy T dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại oppo A57 màu đen, số máy CHP2407, có sim 0783596237 và 01 điện thoại di động itel màu đen, có sim số 0816231230 của Nguyễn Duy T.

Ý kiến bị cáo Nguyễn Duy T tại phiên tòa: Tất cả các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đều là tự nguyện, không bị ép buộc, không bị ép cung hay bức cung. Kết luận điều tra cũng như bản cáo trạng truy tố bị cáo ra trước Tòa hoàn toàn phù hợp với hành vi của bị cáo đã thực hiện; bị cáo không trình bày lời bào chữa, bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân tối cao.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Duy T trình bày: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo hứa không bao giờ vi phạm nữa, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bao gồm Nguyễn Minh H, Nguyễn Thanh T2, Trần Đình T3, Huỳnh Thị Ú, Nguyễn Thanh L, Trương Thị Bích P, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Thu H2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim T4 và những người làm chứng Đinh Xuân H5, Phạm Thanh P1, Đặng Tuấn T7, Nguyễn Thế L1, Hồ Đình T8, Nguyễn Trường V, Phạm Huy . Xét thấy, quá trình điều tra những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nêu trên đã có lời khai rõ ràng, đầy đủ nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hơn nữa, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Duy T là chiến sĩ nghĩa vụ thuộc Đội CSTHAHS và HTTP Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận được phân công nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo vệ khu vực trong và ngoài Nhà tạm giữ Công an huyện B. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, vào các ca trực của mình từ ngày 23/8/2023 đến 04/11/2023, Nguyễn Duy T nhiều lần lạm dụng nhiệm vụ được phân công để đưa điện thoại di động của mình cho các bị can Huỳnh Thị Ú, Nguyễn Thị H1, Trương Thị Bích P, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thanh L đang bị tạm giam trong các buồng giam sử dụng trái quy định để chiếm đoạt số tiền 27.000.000 đồng của người nhà các bị can, phạm nhân (chuyển qua tài khoản của Nguyễn Duy T; tài khoản của Lê Thị Bích T5 là người yêu T và tài khoản của Lê Thị Bích D là em gái T5, sau đó số tiền này đều được chuyển lại vào tài khoản của T) T đã tiêu xài hết. Hành vi của Nguyễn Duy T đã phạm vào tội: “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về đánh giá tính chất mức độ hành vi của bị cáo: Nguyễn Duy T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết rõ việc lạm dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội và bị xử lý nghiêm khắc nhưng bị cáo bất chấp hậu quả pháp lý để thực hiện hành vi phạm tội. Rõ ràng hành vi đưa điện thoại nhiều lần vào nơi tạm giữ, tạm giam của bị cáo là hành vi cố ý, hành vi đó đã ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động đúng đắn của cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và công tác tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Bình Thuận nói riêng; ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cộng đồng, tác động xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Hơn nữa, thời điểm phạm tội bị cáo đang công tác tại cơ quan thực thi pháp luật nên nắm rõ các quy định của pháp luật về sử dụng điện thoại, phương tiện điện tử trái quy định sẽ gây khó khăn đến việc quản lý bị cáo, phạm nhân và quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây bức xúc trong nhân dân nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông Nguyễn L2 là ông nội của bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Duy T có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

và khắc phục hậu quả. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Đối với Lê Thị Bích T5 và Lê Thị Bích D đã cho Nguyễn Duy T sử dụng tài khoản để nhận tiền: Lê Thị Bích T5 và Lê Thị Bích D không biết đây là tiền do T chiếm đoạt từ gia đình của các bị can, phạm nhân. Sau khi nhận được tiền Lê Thị Bích T5, Lê Thị Bích D đã chuyển lại cho Nguyễn Duy T và cũng không được hưởng lợi từ số tiền T đã chiếm đoạt nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là phù hợp.

Đối với những người thân của các bị can Huỳnh Thị Ú, Nguyễn Thị H1, Trương Thị Bích P, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thanh L: Đã có hành vi đưa, chuyển tiền cho Nguyễn Duy T là do các bị can trên có nhu cầu gọi điện xin tiền sử dụng cá nhân và họ không biết việc sử dụng tiền của các bị can nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với tập thể lãnh đạo Nhà tạm giữ, Đội CSTHAHS và HTTP Công an huyện B: Không biết việc làm trái pháp luật của Nguyễn Duy T nhưng đã thiếu trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, giám sát, công tác tạm giữ, tạm giam, để cán bộ chiến sỹ có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian dài, không phát hiện kịp thời để chấn chỉnh, khắc phục. Cơ quan điều tra đã ban hành Kiến nghị số 51/KN-VKSTC-C1(P5) ngày 24/9/2024 đến Giám đốc Công an tỉnh B yêu cầu xem xét trách nhiệm đề tổ chức kiểm điểm, xử lý nghiêm tập thể, cán bộ có liên quan và rút kinh nghiệm chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét kiến nghị trong vụ án.

[6] Về xử lý tang vật chứng: Đối với 02 điện thoại của bị cáo Nguyễn Duy T bao gồm 01 (một) điện thoại oppo A57 màu đen, số máy CHP2407, có sim số 0783596237 và 01 điện thoại Itel màu đen, có số sim 0816231230. Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 27.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Duy T đã nhận của người nhà các bị can, phạm nhân Huỳnh Thị Ú, Nguyễn Thị H1, Trương Thị Bích P, Nguyễn Minh H, Nguyễn Thanh L. Theo quy định của pháp luật thì người nhà phạm nhân được quyền thăm nuôi các bị can, phạm nhân tại nơi giam giữ, tạm giam; không quy định việc cán bộ nhà tạm giữ được phép cho bị can, phạm nhân được gọi điện cho người thân và nhận tiền từ những người này. Hơn nữa, số tiền này bị cáo đã chiếm giữ và là công cụ phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nhưng mức án của bị cáo sẽ được Hội đồng xét

xử cân nhắc cho phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định tại mục [3] của bản án.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Duy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 355; Điều 38; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội "*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 11/6/2024.

2. Về tang vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu vào ngân sách Nhà nước số tiền 27.000.000 đồng.

- Tịch thu vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại Oppo A57 màu đen, số máy CHP2407, có sim 0783596237 và 01 điện thoại di động itel màu đen, có sim số 0816231230 của Nguyễn Duy T.

(Theo biên bản giao nhận tài liệu ngày 17/10/2024 giữa Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận)

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Duy T9 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/01/2025). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Công an huyện Bắc Bình;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

